

Bản án: 62/2019/HS-ST

Ngày: 30/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Sơn

- *Các Hội thẩm:*

1/ Bà Nguyễn Thị XuY

2/ Ông Phạm Đăng Khoa

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc –
Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Ông Lê Quốc Vương – Kiểm sát
viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 số
139 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử
sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 46/2019/TLST - HS ngày 07 tháng 06 năm
2019 đối với các bị cáo:

1/ PHẠM MINH T, giới tính: nam, sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ
Chí Minh; hộ khẩu thường trú: đường X, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ
Chí Minh; địa chỉ cư trú: đường B, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí
Minh; trình độ văn hóa: 2/12; nghề nghiệp: không; con ông Phạm Quang T và
bà Bùi Thị H.

Tiền án:

- Ngày 22/4/2009, bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 03 năm tù về
tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 55/2009/HSST ngày 22/4/2009.

- Ngày 27/4/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 02
năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự số 97/2011/HSST ngày
27/4/2011.

- Ngày 15/01/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 03 năm tù về
tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự số 03/2016/HSST ngày
15/01/2016.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 25/4/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 05
năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, hiện đang chấp hành án.

(có mặt)

2/ NGUYỄN QUỐC T1, giới tính: nam, sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: đường T, Phường V, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Thu Y.

Tiền án:

- Ngày 18/9/2015, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự số 85/2015/HSST ngày 18/9/2015.

- Ngày 20/12/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự số 145/2016/HSST ngày 20/12/2016.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2018

Bị hại:

Bà Nguyễn Đỗ Ánh P, sinh năm 1983

Địa chỉ: đường X, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Thu Y, sinh năm 1973

Địa chỉ: đường T, Phường V, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 30/10/2018, Nguyễn Quốc T1 điều khiển xe gắn máy hiệu Hello @, màu trắng-đỏ, biển số: 59 C1-127.46 chở Phạm Minh T đi tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đến trước nhà đường L, Phường M, Quận N, cả hai nhìn thấy chị Nguyễn Đỗ Ánh P đang ngồi trước cửa nhà, tay cầm điện thoại Samsung Galaxy sử dụng nên tìm cách chiếm đoạt. Lúc này, T1 chở T đi kiểm tra khu vực xung quanh hẻm L xem có thông nhau hay không nhằm mục đích sau khi chiếm đoạt được điện thoại của chị P thì có lối tẩu thoát. Sau khi thấy các hẻm khu vực này thông nhau thì T1 dừng xe nổ máy đợi sẵn để cảnh giới, còn T xuống xe đi bộ đến áp sát từ phía bên phải, dùng tay trái đè vào vai (*đoạn gần sát cổ*) của chị P tay phải thì giằng lấy điện thoại chị P đang cầm. Do chị P cầm chắc cả hai tay và chống cự nên T đã tiếp tục đè ép chị P xuống đất nghiêng về phía bên trái, hai bên giằng co nhau một lát khoảng 02 – 03 phút thì chị P đuối sức nên T đã giằng lấy được điện thoại và bỏ chạy, chị P đuổi theo thì T leo lên xe để T1 tăng ga chở T tẩu thoát. T đã bán điện thoại vừa chiếm đoạt được cho người không rõ lai lịch với giá 700.000 đồng, T1 được chia 400.000 đồng còn T được chia 300.000 đồng, cả hai tiêu xài hết.

Nhận được tin báo của chị Nguyễn Đỗ Ánh P, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 tiến hành truy xét và xác định Nguyễn Quốc T1 và Phạm Minh T là các đối tượng thực hiện hành vi chiếm đoạt điện thoại di động của chị P nên tiến hành khởi tố, điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 22/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3, xác định: Chiếc điện thoại Samsung Galaxy Grand Prime G530 - 8G (*chiếm đoạt của chị P*) vào thời điểm tháng 11/2018 trị giá 800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS-HS ngày 06/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc T1 và Phạm Minh T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Minh T khai nhận: Bị cáo T1 là người khởi xướng việc đi chiếm đoạt tài sản. Khi phát hiện bị hại cầm điện thoại, bị cáo và T1 đã cùng nhau thống nhất việc chiếm đoạt, T1 cảnh giới còn bị cáo đến trực tiếp chiếm đoạt. Do chị P cầm điện thoại chắc bằng cả hai tay nên bị cáo đã dùng tay nắm vào vai sau đó dùng sức mạnh T thân đè ép chị P té xuống đất nghiêng về phía bên trái, hai bên giằng co nhau một lát khoảng 02 – 03 phút thì chị P đuối sức nên bị cáo giằng lấy được điện thoại rồi bỏ chạy. Bị cáo xác định không đánh chị P mà chỉ dùng sức mạnh đè ép chị P té xuống đất làm không chống cự được để bị cáo giằng lấy điện thoại.

Bị cáo Nguyễn Quốc T1 khai nhận: Việc bị cáo T khai nhận tại phiên tòa như trên là hoàn T đúng sự thật, bản thân bị cáo là người khởi xướng việc đi chiếm đoạt tài sản và là người giúp sức cảnh giới, chờ T tẩu thoát để cùng nhau chiếm đoạt tài sản. Khi T thực hiện hành vi dùng vũ lực đè chị P xuống đất để giằng lấy điện thoại thì bị cáo thấy rõ vì bị cáo đứng gần cách chị P khoảng 10 m để cảnh giới.

Bị hại chị Nguyễn Đỗ Ánh P trình bày:

- Khi phát hiện bị cáo T đứng trước mặt chuẩn bị cướp điện thoại, chị P đã chủ động cầm điện thoại bằng cả hai tay và áp về bên đùi trái để giấu. Tuy nhiên, bị cáo T vẫn lao đến dùng tay trái bóp mạnh vào vai phải (*đoạn gần cổ*) đè chị xuống đất và chồm người qua bên trái để giằng lấy điện thoại trong tay chị. Do chị cầm điện thoại chắc nên T chưa lấy được nên tiếp tục dùng tay trái và T thân đè ép lên người làm chị té nghiêng xuống đất còn tay phải thì T tiếp tục giằng lấy điện thoại trong tay của chị, hai bên giằng co nhau một lúc lâu khoảng 02- 03 phút do chị đuối sức nên T đã đoạt lấy được điện thoại và bỏ chạy chị đuổi theo thì T nhảy lên xe do T1 đợi sẵn và chở nhau bỏ trốn.

- Xác định không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại đã bị chiếm đoạt và đề nghị cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Minh T từ 07 năm đến 08 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T1 từ 05 năm đến 06 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an Quận 3, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng hình sự qui định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có bất cứ ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Vì vậy, có cơ sở xác định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Quốc T1 là các đối tượng đã bị kết án trong trường hợp tái phạm chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, vào lúc 12 giờ ngày 30/10/2018 tại trước nhà số đường L, Phường M, Quận N, T và T1 lại tiếp tục cùng nhau thực hiện hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể, khi phát hiện thấy người bị hại là chị Nguyễn Đỗ Ánh P đang ngồi sử dụng điện thoại, T1 và T cùng thống nhất việc chiếm đoạt điện thoại của chị P. T1 ngồi sẵn trên xe đang nổ máy để cảnh giới cho T lao đến dùng tay trái bóp vào vai phải của chị Phường và đè ép chị P té xuống đất để chị P không thể chống cự được rồi giằng lấy chiếc điện thoại Samsung (*trị giá 800.000 đồng*) chị P đang cầm bỏ chạy và leo lên xe do T1 đang đợi sẵn để tăng ga tẩu thoát là các bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản” theo qui định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Quốc T1 là người có nhân thân rất xấu, đã có tiền án trong trường hợp tái phạm. Tuy nhiên các bị cáo không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân mà vừa ra tù chưa hết thời gian được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, sử dụng vũ lực tấn công người khác để chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài.

[4] Hành vi mà các bị cáo đã gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh bất chấp pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý cao ngay giữa ban ngày trong khu dân cư. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng sức khỏe và tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa P, gây nên tình trạng bất an cho cộng đồng khu dân cư. Do vậy, cần có mức án thật nghiêm khắc mới đủ sức răn đe đối với các bị cáo và có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T1 là người khởi xướng và cũng là đồng phạm giúp sức tích cực cho T thực hiện hành vi phạm tội bằng cách cung cấp P tiện, chở T đi tìm người có tài sản để chiếm đoạt, cảnh giới và chở T tẩu thoát khi người bị hại truy đuổi. Vì vậy, khi lượng hình cần căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự để cân nhắc, có mức hình phạt tương xứng với tính chất, vai trò của các bị cáo tham gia trong vụ án.

[6] Tuy nhiên cũng xét, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tại phiên tòa các bị cáo còn được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên khi lượng hình cần căn cứ điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[7] Xét, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị xử phạt bị cáo T1 từ 05 đến 06 năm tù là không phù hợp tích chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo T1 đã gây ra nên không được chấp nhận.

[8] Xét, bị cáo Phạm Minh T hiện đang phải chấp hành hình phạt 05 (năm) năm tù tuyên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2019/HSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7. Vì vậy, cần tổng hợp hình phạt đã tuyên trong vụ án này với hình phạt được tuyên tại Bản án số 48/2019/HSST ngày 25/4/2019 để buộc bị cáo phải chấp hành một hình phạt chung cho cả 02 bản án là đúng theo qui định tại Điều 56 Bộ luật hình sự .

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, chị P xác định bị cáo T dùng vũ lực tấn công để chiếm đoạt tài sản nhưng chưa gây thương tích gì nghiêm trọng nên chị không có yêu cầu bồi thường. Vì vậy, Tòa không phải xem xét giải quyết liên quan đến vấn đề này.

- Bị hại Nguyễn Đỗ Ánh P không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại đã bị chiếm đoạt, xét đây là là sự tự nguyện của bị hại nên được chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy sau khi chiếm đoạt được điện thoại các bị cáo đã bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Cụ thể, T1 được chia 400.000 đồng, T được chia 300.000 đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có nên cần buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe gắn máy biển số 59 C1 – 127.46 thu giữ của bị cáo T1 là phương tiện phạm tội. Qua điều tra, xác định xe này do bà Lê Thị Thu Y đứng tên chủ sở hữu, bà Y cho bị cáo T1 mượn để sử dụng hoàn toàn không biết các bị cáo sử dụng xe này vào mục đích phạm tội nên cần giao trả lại xe cho bà Y là đúng qui định.

- Đối với 01 đôi dép cao su có ghi chữ “Nike” và một đôi dép có quai hậu màu đen trên quai dép có chữ “Power” là tài sản thu giữ của các bị cáo hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Quốc T1 đã phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt : Phạm Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt đã tuyên ở trên với hình phạt 05 năm tù đã tuyên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2019/HSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, buộc bị cáo chấp hành một hình phạt chung cho cả 02 bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2018.

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt : Nguyễn Quốc T1 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam là ngày 02/11/2018

Áp dụng Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự.

- Giao trả cho bà Lê Thị Thu Y chiếc xe gắn máy hiệu Hello @ màu trắng – đỏ, biển số 59C1–127.46 số khung RNBWCH6UMA1001107, số máy VUMNBYG150FMH-AX201107, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng, bị bể nhiều chỗ, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép bằng cao su màu xanh dương đã qua sử dụng, trên đôi dép có ghi chữ “Nike” và 01 đôi dép có quai hậu màu đen, trên quai dép và dưới đế dép có ghi chữ “POWER”.

(Tài sản giao trả, tịch thu tiêu hủy được ghi trong Lệnh nhập kho vật chứng số 127/LNK ngày 17/12/2018 của Công an Quận 3)

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Buộc bị cáo Phạm Minh T phải nộp lại 300.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T1 phải nộp lại 400.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Công an quận 3;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q3;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu VP, Hồ sơ (Ngọc).

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THẨM PHÁN**

Trần Thanh Sơn